

# CHƯƠNG 8: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CHU KỲ KINH DOANH

8.1. Tăng trưởng kinh tế

8.2. Chu kỳ kinh doanh

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

# KHÁI NIỆM TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế: sự gia tăng của tổng sản lượng (thường đo bằng GDP) theo thời gian.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế: phần trăm tăng của GDP trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm  $t$  (%) =
$$\frac{GDP_t - GDP(t-1)}{GDP(t-1)} \times 100$$
- Tốc độ tăng GDP/người của năm  $t$  = (tốc độ tăng trưởng của GDP – tốc độ tăng dân số) của năm  $t$ 
  - ⇒ tốc độ tăng GDP/người phản ánh tốc độ cải thiện mức sống trung bình của người dân trong một nước
  - ⇒ tốc độ tăng GDP/người phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng GDP

# KHÁI NIỆM TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Trong dài hạn, tăng trưởng kinh tế là mở rộng liên tục đường giới hạn khả năng sản xuất, là không ngừng tăng  $Y_p$ .
- Quy luật “72”: giả sử tốc độ tăng trưởng GDP hay GDP/người trung bình hàng năm là  $g\%$ , số năm cần thiết để GDP hay GDP/người tăng lên gấp đôi là  $72/g$ .

Ví dụ: nếu tốc độ tăng GDP/người trung bình hàng năm là  $7,2\%$ , sau 10 năm GDP/người sẽ tăng lên gấp đôi.

nếu tốc độ này vẫn được duy trì, sau 20 năm GDP/người sẽ tăng 4 lần, sau 30 năm tăng lên 8 lần, sau 40 năm tăng lên 16 lần  
 $\Rightarrow$  sự chênh lệch nhỏ trong tốc độ tăng trưởng duy trì trong thời gian dài sẽ tạo ra khoảng cách lớn trong mức sống giữa các quốc gia.

# Ý NGHĨA CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế duy trì trong một thời gian dài:
  - Tăng quy mô và vị thế của nền kinh tế quốc gia
  - Tạo điều kiện để tăng cường sức mạnh quốc phòng, đảm bảo an ninh quốc gia, phát triển các mặt khác của đời sống văn hóa – xã hội (văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học...)
  - Cải thiện mức sống, phúc lợi chung của người dân
  - Tạo cơ sở để nhà nước có thể thực hiện dễ dàng hơn chính sách phân phối lại...



# HẠN CHẾ CỦA THƯỚC ĐO GDP (GNP)

- Bỏ qua giá trị kinh tế của thời gian nhàn rỗi và nghỉ ngơi
  - Bỏ qua các hoạt động bên ngoài thị trường
  - Bỏ qua ý nghĩa của việc xuất hiện các sản phẩm mới
  - Bỏ qua vấn đề chất lượng môi trường và những căng thẳng xã hội gắn liền với quá trình tăng trưởng GDP
  - Bỏ qua vấn đề phân phối thu nhập, công bằng xã hội
  - Những khía cạnh khác? Bỏ qua các giá trị tinh thần...
- ⇒ GDP là thước đo không hoàn hảo về phúc lợi hay hạnh phúc của con người
- Quan điểm “phát triển con người”: đánh giá thành tựu tăng trưởng và pt bằng chỉ số HDI

# PHÂN BIỆT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- Phát triển kinh tế: tăng trưởng kinh tế đi kèm với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội theo hướng tiến bộ, gắn liền với tiến bộ xã hội
- Phát triển bền vững: duy trì được TTKT dài hạn; đảm bảo công bằng xã hội, sự gắn kết xã hội; bền vững MT
- Theo UNDP: phát triển kinh tế = tăng trưởng kinh tế bền vững vì con người, do con người = phát triển con người = mở rộng không ngừng cơ hội và năng lực lựa chọn của mọi người dân
  - + thành tựu tăng trưởng được san sẻ cho mọi người, không tập trung vào một nhóm người => công bằng xã hội
  - + tăng trưởng kinh tế hiện tại không làm thiệt hại đến thế hệ tương lai => bền vững về môi trường
  - + Tăng cường sự tham gia của đông đảo dân chúng.

# NGUỒN GỐC CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Hàm sản xuất:  $Y = F(K, L, R, T \dots)$

Hàm sx cho biết mức sản lượng tối đa có thể đạt được với một số lượng đầu vào và trình độ công nghệ xác định.

=> Tăng số lượng các đầu vào, tiến bộ công nghệ => tăng Y

- Yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế: số lượng lao động và năng suất lao động (sản lượng đầu ra do 1 lao động tạo ra).
- Yếu tố quyết định cải thiện mức sống chung của một quốc gia (GDP/người): NSLĐ  
NSLĐ càng cao, mức sống chung càng cao

# NGUỒN GỐC CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

## ○ Những yếu tố quyết định NSLĐ:

+ Vốn hiện vật: K tăng (các yếu tố khác giữ nguyên)  $\Rightarrow$  Y tăng; K/L tăng  $\Rightarrow$  Y/L do đó Y/người sẽ tăng.

Vốn hiện vật (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...) là đầu vào sx các hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả vốn hiện vật cho tương lai.

+ vốn nhân lực: kiến thức, kỹ năng mà người lao động tích lũy được nhờ giáo dục, đào tạo và tích lũy kinh nghiệm.

Tăng quỹ vốn nhân lực chung của nền kt  $\Rightarrow$  tăng năng lực sx các hh, dịch vụ

+ tài nguyên thiên nhiên: đất đai, khoáng sản, nguồn nước...là những đầu vào của qtsx do thiên nhiên cung cấp



# NGUỒN GỐC CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Có 2 loại tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên tái tạo được (cây rừng, động vật...) và không tái tạo được (dầu mỏ...)

Ngay cả TN tái tạo được: khai thác quá mức => cạn kiệt

TNTN giàu có (như các nước dầu mỏ ở Tr đông) => là yếu tố quan trọng khiến cho Y và mức sống của một số nước cao.

Một số nước nghèo tài nguyên (Nhật) => vẫn có Năng suất và mức sống cao (pt nhờ thương mại quốc tế)

+ Tri thức công nghệ: Tri thức: hiểu biết chung của con người về thế giới tự nhiên và xã hội

Tri thức tạo ra sự thay đổi cách thức sx, cho phép tăng NSLĐ => tiến bộ công nghệ



# NGUỒN GỐC CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tiến bộ công nghệ là yếu tố quyết định nhất đối với tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống trong bối cảnh hiện đại.

(Tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng: chủ yếu nhờ mở rộng hay gia tăng các đầu vào.

Tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu: chủ yếu nhờ tiến bộ công nghệ )

Tiến bộ Công nghệ: biểu hiện ở sự cải thiện chất lượng vốn hiện vật và vốn nhân lực

Những khía cạnh trực tiếp tác động đến tiến bộ công nghệ: hoạt động sáng tạo phát minh, sáng chế, đầu tư cho R&D



# MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Lý thuyết của Malthus: Nói về nền kt nông nghiệp: Nguồn cung đất đai cố định  $\Rightarrow$  dân số, lao động tăng  $\Rightarrow$  MPL giảm dần  $\Rightarrow$  tốc độ tăng dân số  $\gg$  tốc độ tăng sản lượng  $\Rightarrow$  Y/người giảm  $\Rightarrow$  chết đói  $\Rightarrow$  dân số giảm  $\Rightarrow$  đất đai/ L tăng  $\Rightarrow$  MPL tăng  $\Rightarrow$  Y/người tăng  $\Rightarrow$  dân số lại tăng nhanh  $\Rightarrow$  MPL lại giảm  $\Rightarrow$  nền kt rơi vào bẫy Malthus.

Lý thuyết Malthus là sai lầm vì nó bỏ qua sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và tiến bộ công nghệ (kể cả tiến bộ công nghệ trong nông nghiệp)

- Mô hình tăng trưởng kinh tế của Solow: dựa trên hàm sản xuất tân cổ điển  $Y = F(K, L)$  phù hợp với giả định  $MP_K$  và  $MP_L$  có xu hướng giảm dần

# MỘT SỐ KẾT LUẬN CHÍNH CỦA MÔ HÌNH SOLOW

- Trong dài hạn, tỷ lệ tiết kiệm của nền kinh tế là yếu tố quyết định khối lượng tư bản (vốn hiện vật) và quy mô sản lượng.  $S/Y$  càng cao  $\Rightarrow K$  &  $Y$  càng lớn.
- Khi mức tích lũy tư bản trên đầu người còn thấp, nền kinh tế có khả năng tăng trưởng trong một thời kỳ dài:  $Y$  và  $Y/L$  tăng theo mức tăng  $K/L$ . Nếu không có tiến bộ công nghệ, nền kt sẽ dần tiến tới điểm dừng (trạng thái cân bằng dài hạn):  $K/L$  và mức sống ( $Y/L$ ) sẽ không tăng.
- Sự gia tăng tỷ lệ tiết kiệm ( $S/Y$ ) sẽ cho phép nền kt có thời kỳ tăng trưởng mới, trước khi tiến đến điểm dừng mới.
- Tỷ lệ tăng dân số càng cao, mức sống,  $Y/L$  càng thấp
- Tiến bộ công nghệ là yếu tố duy nhất cho phép mức sống ( $Y/L$ ) tăng trưởng vững chắc, không ngừng.



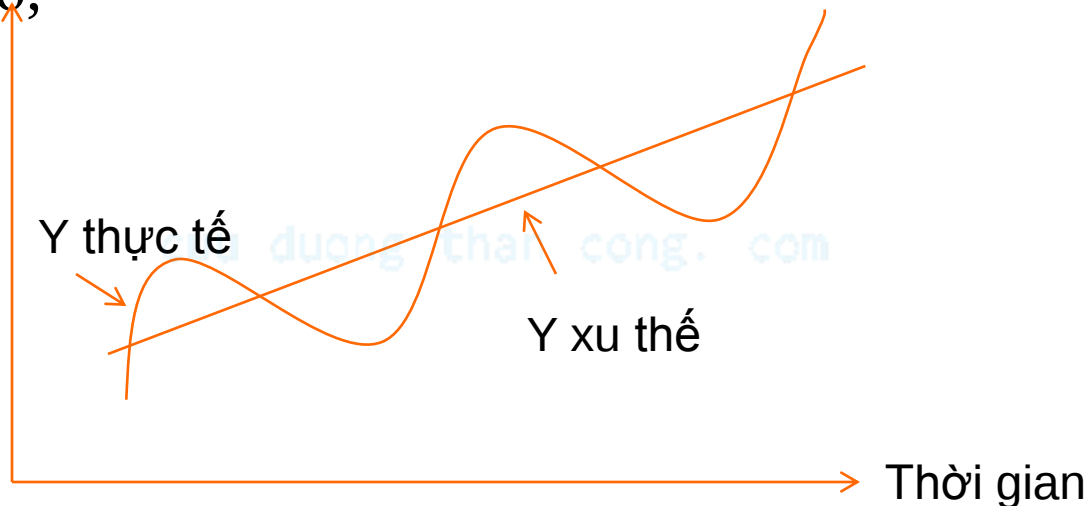
# CHÍNH SÁCH CÔNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư:  $S/Y$ ,  $I/Y$  cao,  $\Rightarrow$  tỷ lệ tăng trưởng cao, mức sống cao.
- Thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt FDI
- Phát triển giáo dục, tăng cường vốn nhân lực
- Mở cửa, tham gia thương mại quốc tế
- Kiểm soát dân số
- Thúc đẩy tiến bộ công nghệ, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, triển khai.



# CHU KỲ KINH DOANH

- Đường xu thế của tổng sản lượng: phản ánh sự gia tăng đều đặn của Y dài hạn dựa trên sự bình quân hóa các Y ngắn hạn
- Chu kỳ kinh doanh: Sự biến động, lên xuống của Y ngắn hạn xung quanh đường xu thế của nó (đỉnh trệ, phục hồi, bùng nổ, suy thoái, đình trệ )



# CÁC LÝ THUYẾT VỀ CHU KỲ KINH DOANH

- Sự biến động của  $Y$  thực tế theo chu kỳ kinh doanh bao gồm:  
1) biến động so với  $Y_p$ ; 2) biến động của  $Y_p$ .
- *Chu kỳ kinh doanh chính trị*: 1) CP có công cụ điều tiết nền kinh tế; 2) các cử tri thích những thời kỳ u thấp, kt phát triển, lạm phát thấp; 3) các nhà chính trị mong muốn được bầu lại  
 $\Rightarrow$  CP áp dụng các chính sách (tài khóa, tiền tệ) thắt chặt ở đầu nhiệm kỳ và các chính sách nới lỏng vào giai đoạn sau.
- *Mô hình số nhân – gia tốc*: Giả định:  $Y_p$  tăng đều đặn & Biến động của  $I$  là nguyên nhân chính của biến động  $Y$  thực tế.

$I$  phụ thuộc chủ yếu sản lượng tương lai dự kiến, (quyết định lợi nhuận tương lai dự kiến).  $Y$  tương lai được dự kiến trên cơ sở tốc độ tăng  $Y$  trong hiện tại  $\Leftrightarrow I$  chịu tác động của việc tăng khối lượng hàng hóa bán ra và tăng  $Y$ .

# VÍ DỤ BẰNG SỐ

- Giả định: 1) số nhân bằng 2:  $\Delta Y = 2 \Delta I$ ; 2)  $Y$  giai đoạn trước tăng 2 đơn vị  $\Rightarrow I$  tăng 1 đơn vị

| Thời kỳ | $\Delta Y$ thời kỳ trước<br>( $Y_{t-1} - Y_{t-2}$ ) | $I_t$ | $Y_t$ |
|---------|-----------------------------------------------------|-------|-------|
| t=1     | 0                                                   | 10    | 100   |
| t=2     | 0                                                   | 10    | 120   |
| t=3     | 20                                                  | 20    | 140   |
| t=4     | 20                                                  | 20    | 140   |
| t=5     | 0                                                   | 10    | 120   |
| t=6     | -20                                                 | 0     | 100   |
| t=7     | -20                                                 | 0     | 100   |
| t=8     | 0                                                   | 10    | 120   |
| t=9     | 20                                                  | 20    | 140   |

# GIẢI THÍCH VÍ DỤ

- $t = 1$  (cả những năm trước): nền kt ở vị trí cân bằng với  $Y = 100$ ,  $I = 10$
- $t = 2$ : tổng cầu tăng (vì lý do nào đó) 20,  $Y$  tăng từ 100  $\rightarrow$  120.
- $t = 3$ :  $Y$  trước đó tăng thêm 20  $\Rightarrow I$  tăng thêm 10  $\Rightarrow Y$  hiện tại tăng thêm 20:  $Y_3 = 140$
- $t = 4$ , do  $Y$  trước đó vẫn tăng thêm 20,  $I$  duy trì  $= 20 \Rightarrow Y$  duy trì ở mức 140
- $t = 5$ ,  $Y$  trước không tăng,  $I$  trở lại mức  $I = 10$ , sản lượng  $Y$  năm này giảm 20 ( $Y = 120$ )
- $t = 6$ ,  $Y$  trước giảm 20,  $I$  giảm tiếp 10 ( $I = 0$ ),  $Y$  giảm tiếp 20 ( $Y = 100$ )
- $t = 7$ :  $Y$  trước giảm 20,  $I$  vẫn giữ ở mức  $I = 0$  ( $I$  luôn không âm),  $Y = 100$
- $t = 8$ :  $Y$  trước không đổi,  $I = 10$ ,  $Y$  tăng thành 120
- $t = 9$ :  $Y$  trước tăng 20,  $I$  thêm 10 &  $I = 20$ ,  $Y = 140 \dots$



# GIẢI THÍCH VÍ DỤ

- Nhận xét:  $Y$  dao động theo chu kỳ
- $Y$  thời kỳ trước tăng thúc đẩy  $I$  tăng (gia tốc)
- $I_t$  tăng làm  $Y_t$  tăng theo số nhân.
- $Y$  sẽ tăng đến *mức trần* do giới hạn nguồn lực  $\Rightarrow \Delta Y = 0 \Rightarrow I$  sẽ giảm  $\Rightarrow Y$  giảm;  $\Delta Y < 0$
- $\Delta Y < 0 \Rightarrow I$  giảm  $\Rightarrow Y$  tiếp tục giảm theo số nhân.
- $I$  không thể giảm dưới không  $\Rightarrow Y$  có *mức sàn*
- $\Delta Y$  tăng  $\Rightarrow I$  tăng,  $\Rightarrow Y$  tiếp tục tăng  $\Rightarrow Y$  dao động theo kiểu chu kỳ.



# CHU KỲ KINH DOANH THỰC TẾ

- Lý thuyết về chu kỳ kinh doanh thực tế: giải thích chu kỳ bằng những biến động của Yp.
- Lý thuyết này nhấn mạnh sự biến động Yp là do sự biến động trong cung lao động, khi người lao động có sự lựa chọn thay thế nhau giữa các thời kỳ.
- Khi tiền lương hoặc lãi suất thực tế của thời kỳ hiện tại tạm thời cao  $\Rightarrow$  làm việc hiện tại hấp dẫn hơn làm việc ở thời kỳ sau (tương lai)  $\Rightarrow$  cung lao động & Y hiện tại tăng, trong khi cung L và Y tương lai giảm.
- Chính sự thay thế nhau giữa các thời kỳ khiến cho cung lao động không ổn định trong dài hạn. Điều này làm cho Yp biến động.